

MÃ ĐỀ: 321

Đề khảo sát gồm 04 trang.

Họ và tên học sinh:

Số báo danh:

Câu 41: Vấn đề quan trọng nhất trong phát triển nông nghiệp theo chiều sâu của Đông Nam Bộ hiện nay là

- A. tăng cường thủy lợi. B. thu hút vốn đầu tư.
C. đổi mới công nghệ. D. mở rộng diện tích.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có đàn bò nhiều hơn đàn trâu?

- A. Vĩnh Phúc. B. Điện Biên. C. Lào Cai. D. Lai Châu.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm ở độ cao dưới 50m?

- A. Xuân Sơn. B. Tam Đảo. C. Xuân Thủy. D. Cúc Phương.

Câu 44: Ngành nào say đây thuộc công nghiệp năng lượng nước ta hiện nay?

- A. khai thác than. B. khai thác bô xít. C. khai thác thiếc. D. khai thác sắt.

Câu 45: Ngành công nghiệp của nước ta hiện nay

- A. chỉ có các ngành công nghệ cao. B. nguyên liệu nhập khẩu hoàn toàn.
C. chất lượng sản phẩm được nâng lên. D. phân bố đồng đều trên toàn lãnh thổ.

Câu 46: Cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta hiện nay

- A. tăng tỉ trọng thành phần ngoài Nhà nước. B. đang hình thành nhiều khu công nghiệp.
C. coi kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo. D. giảm số lượng và tăng quy mô trang trại.

Câu 47: Sản xuất cây công nghiệp ở nước ta hiện nay

- A. tăng chất lượng sản phẩm xuất khẩu chủ lực.
B. phát triển mạnh ở khắp các vùng trên cả nước.
C. tập trung đầu tư nhiều hơn cho cây hàng năm.
D. các vùng đều có công nghệ chế biến hiện đại.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết địa điểm nào sau đây là điểm cuối cùng của đường bờ biển nước ta về phía nam?

- A. Móng Cái. B. Hà Tiên. C. Rạch Giá. D. Cà Mau.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có quy mô lớn nhất?

- A. Huế. B. Nha Trang. C. Quy Nhơn. D. Đà Nẵng.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết nhà máy nhiệt điện Phả Lại thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hưng Yên. B. Hải Dương. C. Quảng Ninh. D. Lạng Sơn.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quần đảo nào sau đây có sản bay?

- A. Nam Du. B. An Thới. C. Thổ Chu. D. Côn Sơn.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết những đảo nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Cù Mông, An Khê. B. An Khê, Ngọn Mực.
C. Cù Mông, Cù Mông. D. Hải Vân, Cù Mông.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng Trường Sa có lượng mưa lớn nhất vào tháng nào sau đây?

- A. Tháng X. B. Tháng VI. C. Tháng XI. D. Tháng XII.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp so với cả nước cao nhất?

- A. Cần Thơ. B. Hà Tiên. C. Sóc Trăng. D. Đồng Nai.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết kênh đào nào sau đây thuộc tỉnh An Giang?

- A. Kỳ Hươ. B. Rạch Sỏi. C. Phụng Hiệp. D. Vĩnh Tế.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết địa điểm nào sau đây là đô thị loại 1?

- A. Vĩnh Yên. B. Cẩm Phả. C. Uông Bí. D. Hải Phòng.

Câu 57: Biện pháp nào sau đây được sử dụng để bảo vệ tài nguyên đất ở khu vực miền núi?

A. Chống nhiễm mặn.

B. Rửa mặn, rửa phèn.

C. Làm ruộng bậc thang.

D. Trồng rừng ven biển.

Câu 58: Việc khai thác gỗ ở nước ta chỉ được tiến hành ở

A. rừng phòng hộ.

B. rừng sản xuất.

C. vườn quốc gia.

D. rừng ngập mặn.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh Hà Tĩnh có điểm khai thác khoáng sản nào sau đây?

A. Crôm.

B. Sắt.

C. Đá vôi xi măng.

D. Sét, cao lanh.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết hồ Yaly nằm giữa 2 cao nguyên nào sau đây?

A. Pleiku và Đắk Lắk.

B. Đắk Lắk và Lâm Viên.

C. Đắk Lắk và Di Linh.

D. Kon Tum và Pleiku.

Câu 61: Hoạt động chế biến lâm sản của nước ta hiện nay

A. phân bố rất đồng đều giữa các vùng.

B. toàn bộ sản phẩm dành cho xuất khẩu.

C. phát triển mạnh ở các đô thị vùng cao.

D. sản phẩm chưa đáp ứng được nhu cầu.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết khu dự trữ sinh quyển cù lao Chàm thuộc phân khu địa lí động vật nào sau đây?

A. Nam Trung Bộ.

B. Trung Trung Bộ.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Nam Bộ.

Câu 63: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có ngành chế biến rượu, bia, nước giải khát?

A. Hạ Long.

B. Hà Nội.

C. Nam Định.

D. Thái Nguyên.

Câu 64: Hoạt động giao thông vận tải biển của nước ta hiện nay

A. chiếm tỉ lệ lớn nhất trong cơ cấu luân chuyển hàng hoá.

B. có khối lượng vận chuyển hành khách bằng đường ô tô.

C. có hệ thống cảng quân sự đang xây dựng ở các hải đảo.

D. đã hình thành được tuyến quốc tế với tất cả các đối tác.

Câu 65: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỒ TIÊU CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Thái Lan	Việt Nam
Diện tích (nghìn ha)	117,9	162,0	111,1
Sản lượng (nghìn tấn)	293,5	251,5	264,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về năng suất hồ tiêu của một số quốc gia năm 2019?

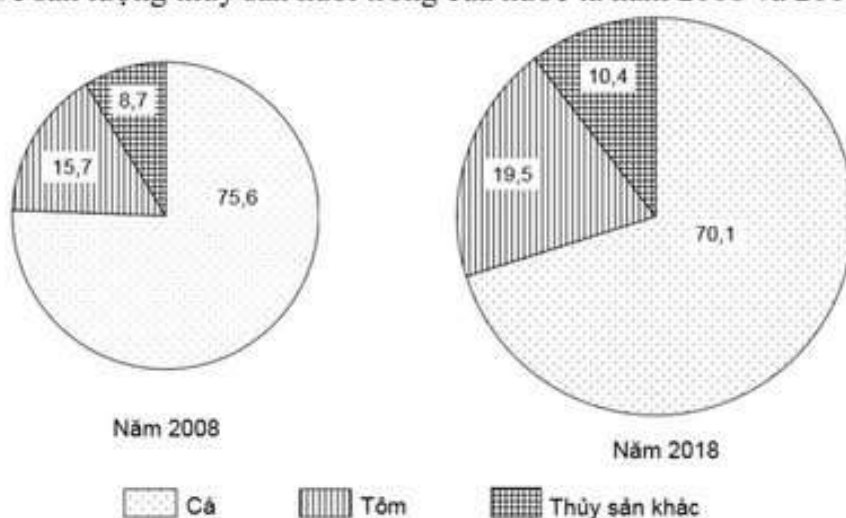
A. Việt Nam thấp nhất.

B. Việt Nam thấp hơn Thái Lan.

C. Thái Lan cao hơn In-đô-nê-xi-a.

D. In-đô-nê-xi-a cao nhất.

Câu 66: Cho biểu đồ về sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2008 và 2018 (Đơn vị:%):



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Tình hình tăng trưởng sản lượng các loại thủy sản nuôi trồng.

B. Quy mô và tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản nuôi trồng

C. Cơ cấu và tốc độ sản lượng thủy sản nuôi trồng phân theo loại.

D. Sự thay đổi quy mô và cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng.

- Câu 67:** Lao động nước ta hiện nay
- A. phân bố đồng đều giữa nông thôn và thành thị.
 - B. có sự thay đổi tỉ lệ giữa các khu vực kinh tế.
 - C. có năng suất tăng cao ngang khu vực Đông Á.
 - D. tình trạng thất nghiệp được giải quyết triệt để.

- Câu 68:** Nội thương nước ta hiện nay phát triển chủ yếu do
- A. chính sách ưu tiên hàng Việt, xây dựng thương hiệu tốt.
 - B. mức sống người dân tăng, các ngành sản xuất phát triển.
 - C. nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng loại hình bán lẻ.
 - D. có sự phân hoá lãnh thổ rõ, đẩy mạnh hoạt động vận tải.

- Câu 69:** Hướng chủ yếu trong chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là
- A. thực hiện chuyên giao công nghệ, mở rộng thị trường tiêu thụ.
 - B. thu hút các nguồn đầu tư, hoàn thiện mạng lưới cơ sở hạ tầng.
 - C. hiện đại hoá hoạt động chế biến, phát triển ngành trọng điểm.
 - D. nâng cao trình độ lao động, đẩy mạnh liên kết với nước ngoài.

- Câu 70:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh trồng cây công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là
- A. tận dụng thế mạnh, đa dạng nông sản, nâng cao hiệu quả kinh tế.
 - B. chuyển dịch cơ cấu, tạo hàng xuất khẩu, tăng sự liên kết lãnh thổ.
 - C. phát triển sản xuất hàng hoá, thu hút đầu tư, tạo việc làm ổn định.
 - D. nâng cao thu nhập, phân bố lại dân cư, tạo tập quán sản xuất mới.

- Câu 71:** Ngành bưu chính của nước ta hiện nay

- A. xuất hiện các loại hình dịch vụ mới.
- B. phát triển với tốc độ nhanh vượt bậc.
- C. đẩy chuyển công nghệ rất hiện đại.
- D. có cơ sở phân bố đều khắp cả nước.

- Câu 72:** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 – 2019
(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Năm	2005	2010	2016	2019
Xuất khẩu	32,4	72,2	162,0	243,7
Nhập khẩu	36,8	84,8	165,8	237,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo bảng số liệu, để thể hiện giá trị xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của nước ta giai đoạn 2005 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột.
- B. Miền.
- C. Kết hợp.
- D. Đường.

- Câu 73:** Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đẩy mạnh chế biến, tăng quy mô trang trại, đa dạng nông sản.
- B. mở rộng diện tích, sử dụng giống cây mới, sống chung với lũ.
- C. tăng cường thủy lợi, bảo vệ rừng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- D. phát triển thủy sản, chú trọng xuất khẩu, đẩy mạnh khai hoang.

- Câu 74:** Giải pháp chủ yếu để khai thác hiệu quả thế mạnh khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. xuất khẩu loại có trữ lượng lớn, tăng công suất các nhà máy.
- B. thu hút lao động có trình độ, đẩy mạnh hoạt động chế biến.
- C. tăng cường vốn đầu tư, hiện đại hoá phương tiện sản xuất.
- D. đẩy mạnh thăm dò mỏ mới, ưu tiên đầu tư loại có giá trị cao.

- Câu 75:** Sông ngòi nước ta có sự phân hoá phức tạp chủ yếu do tác động tổng hợp của

- A. chế độ mưa, cấu trúc địa hình, lớp phủ thực vật.
- B. hoạt động sản xuất, cấu trúc địa chất, gió mùa.
- C. khí hậu, diện tích rừng đầu nguồn, thổ nhưỡng.
- D. thiên tai, hình dạng lãnh thổ, nhà máy thủy điện.

- Câu 76:** Giải pháp chủ yếu để phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. hiện đại hoá cơ sở vật chất, tăng giao lưu, hình thành điểm du lịch mới.
- B. thu hút đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, xây dựng thể kinh tế liên hoàn.
- C. nâng cao trình độ lao động, tăng cường xuất khẩu, bảo tồn sinh vật biển.
- D. tăng cường liên kết, đẩy mạnh hoạt động chế biến, đa dạng ngành nghề.

- Câu 77:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. chuyển dịch cơ cấu ngành, sử dụng hiệu quả tài nguyên, thu hút vốn.
- B. tạo ra nhiều việc làm mới, tăng thu nhập, thay đổi tập quán sản xuất.

C. thu ngoại tệ, nâng cao hiệu quả kinh tế, phát triển sản xuất hàng hoá.

D. tăng cường liên kết, tạo sự phân hoá lãnh thổ, phân bố lại lao động.

Câu 78: Các thành phố lớn của nước ta hiện nay

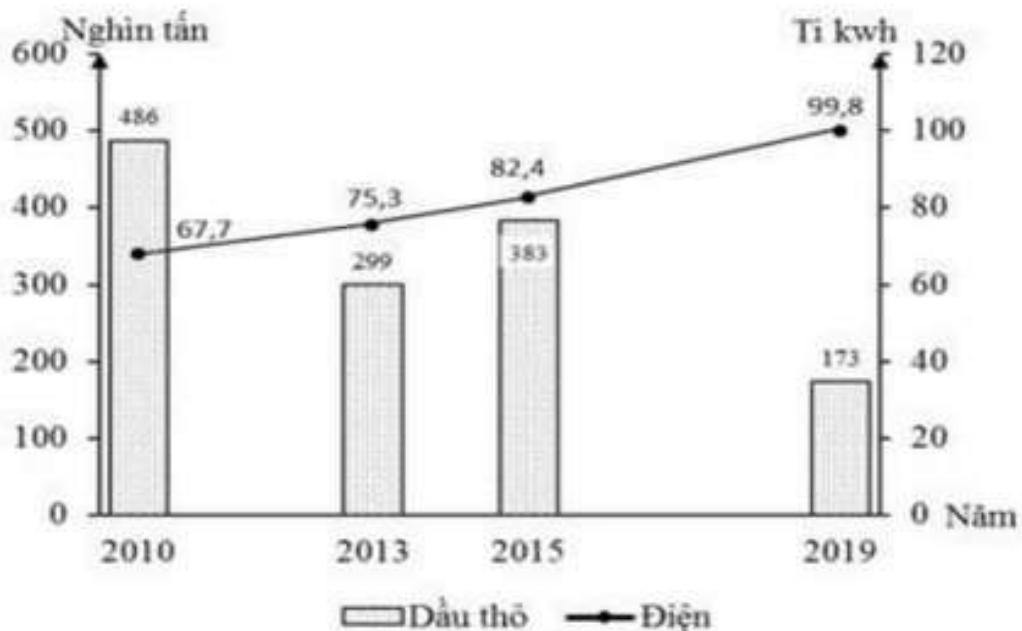
A. có hạ tầng hoàn thiện và đồng bộ.

C. tăng số lượng và quy mô dân số.

B. phân bố đồng đều và hợp lý hơn.

D. tất cả là đô thị loại 1 và tổng hợp.

Câu 79: Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA PHI-LIP-PIN GIAI ĐOẠN 2010 - 2019

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng dầu thô và điện của Phi-lip-pin giai đoạn 2010 – 2019?

A. Dầu thô giảm liên tục, điện tăng nhanh.

B. Điện tăng nhanh, dầu thô chưa ổn định.

C. Điện giảm liên tục, dầu thô tăng nhanh.

D. Dầu thô tăng liên tục, điện giảm nhanh.

Câu 80: Vị trí địa lý của nước ta

A. là nơi giao thoa của nhiều hệ thống tự nhiên.

B. thuộc khu vực hoàn toàn không có thiên tai.

C. được xây dựng qua thời gian dài dựng nước.

D. án ngữ tuyến giao thông châu Âu - châu Mỹ.

-----HẾT-----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Câu	Đ/a	Câu	Đ/a	Câu	Đ/a	Câu	Đ/a
41	A	51	D	61	D	71	A
42	A	52	C	62	B	72	A
43	C	53	C	63	B	73	C
44	A	54	D	64	A	74	C
45	C	55	D	65	D	75	A
46	B	56	D	66	D	76	D
47	A	57	C	67	B	77	C
48	B	58	B	68	B	78	C
49	D	59	B	69	C	79	B
50	B	60	D	70	A	80	A